BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TXĐK : 8
CK : 4

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	Anh	20/04/2004		8	tám	C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	Ánh	21/04/2004		6,8	sáu, tám	C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	Bảo	21/03/2003		9,6	chín, sáu	C24QT3	
4	2210100034	Phạm Thành	Đạt	08/09/2004		8	tám	C24QT3	
5	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	10/12/2004		6,8	sáu, tám	C24QT3	
6	2210100100	Trần Hồng Thái	Hiền	19/02/2004		5	năm	C24QT3	
7	2210100086	Đặng Văn	Hòa	29/03/2004		5,3	năm, ba	C24QT3	
8	2210100083	Phạm Thị Ngọc	Hương	15/05/2004		8,8	tám, tám	C24QT3	
9	2210100080	Phan Quốc	Lâm	20/06/2004		/	/	C24QT3	
10	2210100074	Huỳnh Kim	Long	03/09/2000		6,8	sáu, tám	C24QT3	
11	2210100096	Kheo Thanh	Long	19/02/2004		7,3	bảy, ba	C24QT3	
12	2210100079	Lê Kim	Muôn	21/10/2004		6	sáu	C24QT3	
13	2210100082	Phạm Thị Trà	My	25/06/2004		6	sáu	C24QT3	
14	2210100085	Ngô Hồng Thái	Mỹ	28/04/2004		9,3	chín, ba	C24QT3	
15	2210100097	Nguyễn Thị Thu	Ngân	17/06/2004		7	bảy	C24QT3	
16	2210100089	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/10/2004		6,3	sáu, ba	C24QT3	
17	2210100075	Tống Thị Dương	Nhi	10/02/2004		8,8	tám, tám	C24QT3	
18	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	Nhu	29/06/2004		9,5	chín, năm	C24QT3	
19	2210100104	Võ Thị Kim	Phụng	10/07/2004		8	tám	C24QT3	
20	2210100078	Huỳnh Mỹ	Quỳnh	19/02/2004		8	tám	C24QT3	
21	2210100095	Huỳnh Thanh	Quý	27/03/2004		4	bốn	C24QT3	
22	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	Sang	13/07/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
23	2210100105	Thái Tấn	Thành	17/05/2003		7,3	bảy, ba	C24QT3	
24	2210100103	Nguyễn Phú	Thịnh	03/08/2001		7,3	bảy, ba	C24QT3	
25	2210100071	Võ Thị Lệ	Thu	19/05/2004		5,3	năm, ba	C24QT3	
26	2210100043	Đặng Thị Anh	Thư	14/03/2004		9,3	chín, ba	C24QT3	
27	2210100092	Hồ Thanh	Thư	12/02/2004		6,8	sáu, tám	C24QT3	
28	2210100099	Võ Hoàng Minh	Thư	10/03/2004		6,8	sáu, tám	C24QT3	
29	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/11/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
30	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	05/02/2004		6,3	sáu, ba	C24QT3	
31	2210100084	Nguyễn Kim Du	Y	01/12/2004		6,3	sáu, ba	C24QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 30 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 30 / _____ .

Ngày in: 17:43 22/05/2023

Số sinh viên đạt/không đạt: 29 / 1

Tỷ lệ đạt: 97 %

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thảo Thy

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thuy San

TRƯỜ

KHẢ

Ngày in: 17:43 22/05/2023

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	**Anh**	20/04/2004		6	Sáu	C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim	**Ánh**	21/04/2004		6	sáu	C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	**Bảo**	21/03/2003		10	mười	C24QT3	
4	2210100034	Phạm Thành	**Đạt**	08/09/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
5	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	**Giao**	10/12/2004		5,7	năm, bảy	C24QT3	
6	2210100100	Trần Hồng Thái	**Hiền**	19/02/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
7	2210100086	Đặng Văn	**Hòa**	29/03/2004		6	sáu	C24QT3	
8	2210100083	Phạm Thị Ngọc	**Hương**	15/05/2004		7,6	bảy, sáu	C24QT3	
9	2210100080	Phan Quốc	**Lâm**	20/06/2004				C24QT3	
10	2210100074	Huỳnh Kim	**Long**	03/09/2000		8,2	tám, hai	C24QT3	8,2 ưu
11	2210100096	Kheo Thanh	**Long**	19/02/2004		6	sáu	C24QT3	
12	2210100079	Lê Kim	**Muôn**	21/10/2004		4,5	bốn, năm	C24QT3	
13	2210100082	Phạm Thị Trà	**My**	25/06/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
14	2210100085	Ngô Hồng Thái	**Mỹ**	28/04/2004		8,7	tám, bảy	C24QT3	
15	2210100097	Nguyễn Thị Thu	**Ngân**	17/06/2004		7	bảy	C24QT3	
16	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004		6	sáu	C24QT3	
17	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
18	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004		9	chín	C24QT3	
19	2210100104	Võ Thị Kim	**Phụng**	10/07/2004		8,2	tám, hai	C24QT3	
20	2210100078	Huỳnh Mỹ	**Quỳnh**	19/02/2004		7	bảy	C24QT3	
21	2210100095	Huỳnh Thanh	**Quý**	27/03/2004		6	sáu	C24QT3	
22	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	**Sang**	13/07/2004		6	sáu	C24QT3	
23	2210100105	Thái Tấn	**Thành**	17/05/2003		5,2	năm, hai	C24QT3	
24	2210100103	Nguyễn Phú	**Thịnh**	03/08/2001		6	sáu	C24QT3	
25	2210100071	Võ Thị Lệ	**Thu**	19/05/2004		5,2	năm, hai	C24QT3	
26	2210100043	Đặng Thị Anh	**Thư**	14/03/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	
27	2210100092	Hồ Thanh	**Thư**	12/02/2004		6	sáu	C24QT3	
28	2210100099	Võ Hoàng Minh	**Thư**	10/03/2004		6	sáu	C24QT3	
29	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	**Tiên**	24/11/2004		7,8	bảy, tám	C24QT3	
30	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	05/02/2004		6	sáu	C24QT3	
31	2210100084	Nguyễn Kim Du	**Y**	01/12/2004		6,5	sáu, năm	C24QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 30 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 30 / _____ .

Ngày in: 17:43 22/05/2023

Số sinh viên đạt/không đạt: 30 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , ___ %

Ngày 26 tháng 6 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 26 tháng 6 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004		7	bảy	C24QT4	
2	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004		5	năm	C24QT4	
3	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004				C24QT4	
4	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004		7,8	bảy, tám	C24QT4	
5	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004		7,8	bảy, tám	C24QT4	
6	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004		7,8	bảy, tám	C24QT4	
7	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004		7	bảy	C24QT4	
8	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004		7,3	bảy, ba	C24QT4	
9	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004		8,5	tám, năm	C24QT4	
10	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004		8,8	tám, tám	C24QT4	
11	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004		7,3	bảy, ba	C24QT4	
12	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004		8,8	tám, tám	C24QT4	
13	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004		4	bốn	C24QT4	
14	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004		8,8	tám, tám	C24QT4	
15	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004		5	năm	C24QT4	
16	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004		8,8	tám, tám	C24QT4	
17	2210100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	11/09/2004		6	sáu	C24QT4	
18	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004		9	chín	C24QT4	
19	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004		5	năm	C24QT4	
20	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004		6,3	sáu, ba	C24QT4	
21	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004		9,4	chín, bốn	C24QT4	
22	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004		8,8	tám, tám	C24QT4	
23	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004		5,8	năm, tám	C24QT4	
24	2210100139	Nguyễn Thành	**Tiên**	04/06/2004				C24QT4	
25	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003		6,5	sáu, năm	C24QT4	
26	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004		7,8	bảy, tám	C24QT4	
27	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004		8	tám	C24QT4	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:** 25 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 96 , ___ **%**

Ngày 29 *tháng* 5 *năm* 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ

Ngày 29 *tháng* 5 *năm* 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100116	Trương Ngọc Bảo	**Châu**	04/08/2004		7	bảy	C24QT4	
2	2210100111	Dương Thanh	**Được**	06/05/2004		5	năm	C24QT4	
3	2210100141	Phan Thị Ngân	**Hà**	09/11/2004				C24QT4	
4	2210100143	Huỳnh Quang	**Hoàng**	30/10/2004		8,2	tám, hai	C24QT4	
5	2210100107	Võ Thị Mỹ	**Hường**	21/04/2004		7,8	bảy, tám	C24QT4	
6	2210100142	Nguyễn Thị Kim	**Khoa**	23/08/2004		6,5	sáu, năm	C24QT4	
7	2210100124	Đỗ Thị Kim	**Liên**	19/06/2004		8,7	tám, bảy	C24QT4	
8	2210100117	Đồng Thị Nhã	**Linh**	01/03/2004		9,5	chín, năm	C24QT4	
9	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	**Linh**	11/04/2004		9	chín	C24QT4	
10	2210100120	Mai Thị Diễm	**My**	24/09/2004		6,5	sáu, năm	C24QT4	
11	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	**Ngân**	20/08/2004		5,7	năm, bảy	C24QT4	
12	2210100130	Tạ Thị Trúc	**Ngân**	14/05/2004		6,5	sáu, năm	C24QT4	
13	2210100114	Võ Thanh	**Nghiêm**	07/07/2004		6,5	sáu, năm	C24QT4	
14	2210100119	Giao Thị Thanh	**Nguyên**	14/11/2004		6,5	sáu, năm	C24QT4	
15	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004		5	năm	C24QT4	
16	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004		9,5	chín, năm	C24QT4	
17	2210100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	11/09/2004		5	năm	C24QT4	
18	2210100125	Lê Tấn	**Phát**	30/01/2004		9,5	chín, năm	C24QT4	
19	2210100136	Lê Trọng	**Phúc**	02/04/2004		6	sáu	C24QT4	
20	2210100118	Nguyễn Nguyệt	**Quế**	01/07/2004		5,7	năm, bảy	C24QT4	
21	2210100126	Lê Thị Kim	**Quyên**	02/08/2004		8,3	tám, ba	C24QT4	
22	2210100127	Huỳnh Ngọc	**Thảo**	16/03/2004		8,7	tám, bảy	C24QT4	
23	2210100132	Lê Thị	**Thảo**	29/08/2004		7	bảy	C24QT4	
24	2210100139	Nguyễn Thành	**Tiên**	04/06/2004				C24QT4	
25	2210100140	Phan Thanh	**Trúc**	22/12/2003		7,8	bảy, tám	C24QT4	
26	2210100138	Lê Thị Yến	**Xuân**	19/08/2004		7,6	bảy, sáu	C24QT4	
27	2210100129	Đặng Thị Kim	**Yến**	03/06/2004		8,2	tám, hai	C24QT4	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 2 **. Số bài thi:** 25 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 25 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ____ **%**

Ngày 26 *tháng* 6 *năm* 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 26 *tháng* 6 *năm* 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100079	Mai Phú	**Khang**	03/10/2003		5	năm	C23QT3	
2	2110100138	Phan Đăng	**Khoa**	27/01/2003		7,5	bảy, năm	C23QT2	
3	1910100073	Nguyễn Lâm Tấn	**Kiệt**	10/05/2001		8,6	tám, sáu	C21QT2	
4	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	**My**	12/05/2003		8,3	tám, ba	C23QT2	
5	2110100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	27/06/2001				C23QT4	
6	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003		6	sáu	C23QT6	
7	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	**Phát**	01/07/2003		7,5	bảy, năm	C23QT2	
8	2110100069	Nguyễn Hoàng	**Tấn**	08/10/2002		6	sáu	C23QT2	
9	2110100131	Trương Đình	**Thiên**	25/07/2003		5	năm	C23QT4	
10	2110100086	Phan Thị Kim	**Thoa**	04/01/2003		6,8	sáu, tám	C23QT3	
11	2110100088	Nguyễn Thị Lệ	**Trinh**	22/12/2003		5,3	năm, ba	C23QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____**. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Nữ

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Ngày in: 17:38 22/05/2023

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100079	Mai Phú	**Khang**	03/10/2003		5	năm	C23QT3	
2	2110100138	Phan Đăng	**Khoa**	27/01/2003		7	bảy	C23QT2	
3	1910100073	Nguyễn Lâm Tấn	**Kiệt**	10/05/2001		7,4	bảy, bốn	C21QT2	
4	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	**My**	12/05/2003		4	bốn	C23QT2	
5	2110100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	27/06/2001				C23QT4	
6	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003		9	chín	C23QT6	
7	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	**Phát**	01/07/2003		6,5	sáu, năm	C23QT2	
8	2110100069	Nguyễn Hoàng	**Tấn**	08/10/2002		5	năm	C23QT2	
9	2110100131	Trương Đình	**Thiên**	25/07/2003		5	năm	C23QT4	
10	2110100086	Phan Thị Kim	**Thoa**	04/01/2003		5	năm	C23QT3	
11	2110100088	Nguyễn Thị Lệ	**Trinh**	22/12/2003		5	năm	C23QT3	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 10 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 10 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 9 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 90 , ___ **%**

Ngày 26 *tháng* 6 *năm* 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 26 tháng 6 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Ngày in: 17:39 22/05/2023

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033
Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San
Ngày thi: 26/07/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: Nguyễn Văn Tín Ký tên:
Giám thị 2: Huỳnh Thị Mỹ Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên:
Giám thị 4: _____ Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100125	Lê Tấn	Phát	30/01/2004			10,0	mười, không	C24QT4	
2	2110100036	Võ Huỳnh Vĩnh	Phát	01/07/2003			3,0	ba, không	C23QT2	
3	2210100136	Lê Trọng	Phúc	02/04/2004			1,0	một, không	C24QT4	
4	2210100104	Võ Thị Kim	Phụng	10/07/2004			2,0	hai, không	C24QT3	
5	2210100118	Nguyễn Nguyệt	Quế	01/07/2004			2,0	hai, không	C24QT4	
6	2210100229	Phạm Anh	Quốc	19/11/2004			4,5	bốn, năm	C24QT7	
7	2210100126	Lê Thị Kim	Quyên	02/08/2004			5,5	năm, năm	C24QT4	
8	2210100078	Huỳnh Mỹ	Quỳnh	19/02/2004			3,5	ba, năm	C24QT3	
9	2210100095	Huỳnh Thanh	Quý	27/03/2004			1,0	Một, không	C24QT3	
10	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng	Sang	13/07/2004			4,5	bốn, năm	C24QT3	
11	2110100069	Nguyễn Hoàng	Tấn	08/10/2002			0,0	không, không	C23QT2	
12	2210100105	Thái Tấn	Thành	17/05/2003			5,5	năm, năm	C24QT3	
13	2210100127	Huỳnh Ngọc	Thảo	16/03/2004			8,0	tám, không	C24QT4	
14	2210100132	Lê Thị	Thảo	29/08/2004			5,5	năm, năm	C24QT4	
15	2110100131	Trương Đình	Thiên	25/07/2003			1,0	Một, không	C23QT4	
16	2210100103	Nguyễn Phú	Thịnh	03/08/2001			2,0	hai, không	C24QT3	
17	2110100086	Phan Thị Kim	Thoa	04/01/2003			2,0	hai, không	C23QT3	
18	2210100071	Võ Thị Lệ	Thu	19/05/2004			2,0	hai, không	C24QT3	
19	2210100043	Đặng Thị Anh	Thư	14/03/2004			8,5	tám, năm	C24QT3	
20	2210100092	Hồ Thanh	Thư	12/02/2004			5,0	năm, không	C24QT3	
21	2210100099	Võ Hoàng Minh	Thư	10/03/2004			5,5	năm, năm	C24QT3	
22	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/11/2004			6,0	sáu, không	C24QT3	
23	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	05/02/2004			1,5	một, năm	C24QT3	
24	2110100088	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	22/12/2003			2,0	hai, không	C23QT3	
25	2210100223	Thái Đình	Trí	14/01/2003			3,0	ba, không	C24QT7	
26	2210100140	Phan Thanh	Trúc	22/12/2003			5,0	năm, không	C24QT4	
27	2210100138	Lê Thị Yến	Xuân	19/08/2004			3,0	ba, không	C24QT4	
28	2210100084	Nguyễn Kim Du	Y	01/12/2004			3,0	ba, không	C24QT3	
29	2210100129	Đặng Thị Kim	Yến	03/06/2004			3,0	ba, không	C24QT4	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 29 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 29 / 29 .

Số sinh viên đạt: 12 **Tỷ lệ đạt:** 41,3 %

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 30 tháng 7 năm 2023
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

TRƯỜNG CĐ
P
KHẢO TH

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033
Mã lớp học phần: MH110403302 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San
Ngày thi: 26/07/2023 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: A1.12**

Giám thị 1: Phan Thanh Tuấn Ký tên:
Giám thị 2: Lê Trung San Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100222	Trần Trọng	An	12/04/2002			3,0	ba, không	C24QT7	
2	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm	Anh	20/04/2004			5,5	năm, năm	C24QT3	
3	2210100077	Bùi Thị Kim	Ánh	21/04/2004			5,0	năm, không	C24QT3	
4	2210100091	Lê Huỳnh Quốc	Bảo	21/03/2003			8,5	tám, năm	C24QT3	
5	2210100116	Trương Ngọc Bảo	Châu	04/08/2004			1,5	một, năm	C24QT4	
6	2210100034	Phạm Thành	Đạt	08/09/2004			3,0	ba, không	C24QT3	
7	2210100111	Dương Thanh	Được	06/05/2004			3,5	ba, năm	C24QT4	
8	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	10/12/2004			3,0	ba, không	C24QT3	
9	2210100100	Trần Hồng Thái	Hiền	19/02/2004			1,5	một, năm	C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang	Hoàng	30/10/2004			5,5	năm, năm	C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn	Hòa	29/03/2004			6,0	sáu, không	C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc	Hương	15/05/2004			7,0	bảy, không	C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ	Hường	21/04/2004			3,5	ba, năm	C24QT4	
14	2110100079	Mai Phú	Khang	03/10/2003			3,0	ba, không	C23QT3	
15	2210100142	Nguyễn Thị Kim	Khoa	23/08/2004			5,0	năm, không	C24QT4	
16	2110100138	Phan Đăng	Khoa	27/01/2003			4,0	bốn, không	C23QT2	
17	1910100073	Nguyễn Lâm Tấn	Kiệt	10/05/2001			2,5	hai, năm	C21QT2	
18	2210100124	Đỗ Thị Kim	Liên	19/06/2004			1,5	một, năm	C24QT4	
19	2210100117	Đồng Thị Nhã	Linh	01/03/2004			6,0	sáu, không	C24QT4	
20	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	11/04/2004			7,5	bảy, năm	C24QT4	
21	2210100074	Huỳnh Kim	Long	03/09/2000			5,0	năm, không	C24QT3	
22	2210100096	Kheo Thanh	Long	19/02/2004			6,0	sáu, không	C24QT3	
23	2210100079	Lê Kim	Muôn	21/10/2004			5,0	năm, không	C24QT3	
24	2210100120	Mai Thị Diễm	My	24/09/2004			6,0	sáu, không	C24QT4	
25	2110100048	Nguyễn Thị Thoại	My	12/05/2003			4,0	bốn, không	C23QT2	
26	2210100082	Phạm Thị Trà	My	25/06/2004			5,5	năm, năm	C24QT3	
27	2210100085	Ngô Hồng Thái	Mỹ	28/04/2004			5,0	năm, không	C24QT3	
28	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	20/08/2004			4,0	bốn, không	C24QT4	
29	2210100097	Nguyễn Thị Thu	Ngân	17/06/2004			6,0	sáu, không	C24QT3	
30	2210100130	Tạ Thị Trúc	Ngân	14/05/2004			4,5	bốn, năm	C24QT4	
31	2210100114	Võ Thanh	Nghiêm	07/07/2004			6,0	sáu, không	C24QT4	
32	2210100119	Giao Thị Thanh	Nguyên	14/11/2004			5,5	năm, năm	C24QT4	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100122	Lê Thị Yến	**Nhi**	23/02/2004			4,0	bốn, không	C24QT4	
34	2210100089	Nguyễn Thị Yến	**Nhi**	25/10/2004			1,5	một, năm	C24QT3	
35	2210100075	Tống Thị Dương	**Nhi**	10/02/2004			8,0	tám, không	C24QT3	
36	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm	**Nhu**	29/06/2004			8,5	tám, năm	C24QT3	
37	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	**Như**	15/10/2004			8,0	tám, không	C24QT4	
38	2210100112	Lê Thị Huỳnh	**Như**	11/09/2004			4,0	bốn, không	C24QT4	
39	2110100197	Nguyễn Vũ	**Nhựt**	25/06/2003			9,0	chín, không	C23QT6	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 39 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 39 / 39 .

Số sinh viên đạt: 28 **Tỷ lệ đạt:** 71,8 **%**

Ngày.....tháng.....năm.....
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ BC CÔ
PHÒ
KHẢO THÍ VÀ

Ngày 30 tháng 7 năm 2023
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Thị Sen